

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2023
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng;
- Ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa:*** Bà Nàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Biên
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 334/2022/TLST-
HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HN ngày
01/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày
21/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1980; nơi cư trú: T15, ấp S, xã
T, huyện T, tỉnh A

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp S, xã T,
huyện T, tỉnh A;

Nguyên đơn ông Phạm Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà
Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ
án, nguyên đơn ông Phạm Văn M trình bày:***

Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh H tự tìm hiểu và chung sống
với nhau từ năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian đầu

sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, sau đó bà H bỏ nhà đi cho đến nay. Ông M không còn liên lạc được với bà H. Nhận thấy không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được Ông M yêu cầu ly hôn bà H.

Về con chung: Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh H không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa Ông M và bà H có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 8 năm 2022 đến nay, nhưng cả hai không tạo cho nhau điều kiện để đoàn tụ gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông M và bà H không có con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Phạm Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H; bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh A. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Phạm Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020 ngày 23/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tịnh Biên, tỉnh A nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Đến tháng 8 năm 2022, Ông M và bà H không còn chung sống cho đến nay. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh H.

[2] Về con chung: Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh H không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Ông Phạm Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008854 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên. Ông Phạm Văn M đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020 ngày 23/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[7] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ